

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 45/2023/DS-PT  
Ngày: 07-02-2023  
V/v tranh chấp: "Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Phong.

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Việt Trung.

Bà Đỗ Thị Minh Nguyệt.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Bùi Công Danh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:** Bà Hà Ngọc Thu Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 306/2022/TLPT-DS ngày 09 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 64/2022/DS-ST ngày 23 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 366/2022/QĐ-PT ngày 17 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Chánh T, sinh năm 1992;

Địa chỉ: Ấp L, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Trà Thị Thu T1, sinh năm 1958 (Theo Giấy ủy quyền ngày 25/6/2022) (có mặt);

Địa chỉ: Ấp Q, xã N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn:

1. Anh Lê Văn T2, sinh năm 1969;

Địa chỉ: Ấp Q, xã N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của anh T2: Chị Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1979 (theo Giấy ủy quyền ngày 01/8/2022) (có mặt);

Địa chỉ: Đường L, Phường S, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

2. Chị Trần Thị Thanh T3, sinh năm 1980 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp Q, xã N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn anh Lê Văn T2.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

#### ***Theo án sơ thẩm;***

*\* Nguyên đơn anh Nguyễn Chánh T trình bày:*

Do là chỗ bà con và tin tưởng lẫn nhau nên anh Nguyễn Chánh T có cho chị Trần Thị Thanh T3 vay 02 lần tiền, mỗi lần vay số tiền là 40.000.000 đồng. Đến ngày 25/9/2019, thì các bên làm biên nhận chốt lại tổng số tiền vay là 80.000.000 đồng. Chị T3 là người trực tiếp đứng ra vay tiền, nhận tiền, viết biên nhận, ký tên và ghi rõ họ tên vào biên nhận.

Lần vay tiền đầu tiên thì khi giao nhận tiền chỉ có mặt anh T, chị T3 và mẹ ruột của anh T là bà Trà Thị Thu T1. Lần vay tiền lần thứ hai thì thực hiện việc giao nhận tiền tại nhà chị T3 và các bên tiến hành viết biên nhận, lúc này thì có mặt anh T, bà T1, chị T3 và con chị T3 là cháu Lê Thị Kim T4. Anh T có đề nghị với chị T3 là cho cháu T4 cùng ký tên vào biên nhận và chị T3 đồng ý. Mục đích cho cháu T4 ký tên vào biên nhận là để làm tin chứ thật ra lúc đó cháu T4 còn nhỏ, chưa đủ 18 tuổi. Sau khi viết biên nhận thì anh T giao tiền cho chị T3. Khi vay, chị T3 nói rằng vay tiền để hốt hụi, trả nợ và chi tiêu sinh hoạt trong gia đình nên anh T mới cho vay. Các bên thỏa thuận thời hạn vay là 01 năm tính từ ngày 25/9/2019 và không có thỏa thuận về lãi suất.

Khi đến thời hạn trả nợ, mặc dù anh T đã nhiều lần liên hệ để lấy lại tiền nhưng chị T3 và anh T2 đưa ra nhiều lý do, hứa hẹn nhưng rồi sau đó không thực hiện.

Nay anh T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Buộc anh Lê Văn T2 và chị Trần Thị Thanh T3 phải liên đới trả số tiền nợ vay là 80.000.000 đồng;

- Yêu cầu trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

*\* Bị đơn anh Lê Văn T2 trình bày:*

Anh Lê Văn T2 cho rằng anh không có vay tiền cũng như không biết gì về việc chị Trần Thị Thanh T3 vay tiền của anh Nguyễn Chánh T. Tất cả những khoản tiền này chị T3 đều sử dụng cho mục đích cá nhân chứ không sử dụng cho gia đình. Anh T yêu cầu anh cùng liên đới với chị T3 để trả nợ thì anh không đồng ý.

Anh T2 và chị T3 đã sống ly thân khoảng 02 năm nay. Chị T3 sống ở nhà mẹ ruột nên mọi chi tiêu trong gia đình đều do anh chi trả.

*\* Bị đơn chị Trần Thị Thanh T3 trình bày:*

Thông nhất toàn bộ với lời trình bày của anh Nguyễn Chánh T. Do nhu cầu cần tiền để hốt hụi, trả nợ, chi tiêu sinh hoạt trong gia đình và đóng tiền học cho con nên chị có hỏi vay của anh Nguyễn Chánh T 02 lần tiền với tổng số tiền là 80.000.000 đồng. Vào ngày 25/9/2019, thì các bên viết biên nhận để chốt lại tổng số tiền nợ là 80.000.000 đồng. Khi vay, chị T3 là người trực tiếp nhận tiền, viết biên nhận, ký tên và ghi họ tên vào biên nhận. Thời điểm viết biên nhận và nhận tiền lần thứ hai thì anh T2 đi công việc, chỉ có con của chị là cháu Lê Thị Kim T4 ở đó. Để làm tin, anh T có đề nghị với chị là để cho cháu T4 ký tên vào biên nhận thay cho anh T2 nên chị T3 đồng ý. Các bên thỏa thuận thời hạn vay là 01 năm tính từ ngày 25/9/2019 và không có thỏa thuận về lãi suất.

Khi đến hạn trả nợ thì chị đã cố gắng sắp xếp nhưng vẫn không có tiền để trả nợ anh T. Chị đồng ý trả nợ cho anh T nhưng do gia đình đang gặp khó khăn nên đang tìm người mua đất để bán thì mới có tiền để trả nợ.

Đối với số tiền vay này chị dùng vào việc sinh hoạt, đời sống và kinh doanh của gia đình và anh T2 cũng biết về việc chị vay tiền nên chị yêu cầu anh Lê Văn T2 liên đới cùng chị để trả số tiền nợ nói trên.

\* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 64/2022/DS-ST ngày 23 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 463, 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 33 và Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Chánh T:

Buộc anh Lê Văn T2 và chị Trần Thị Thanh T3 có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Nguyễn Chánh T số tiền là 80.000.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

\* Ngày 25/8/2022, bị đơn anh Lê Văn T2 có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chỉ buộc một mình chị Trần Thị Thanh T3 có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Chánh T số tiền là 80.000.000 đồng.

#### ***Tại phiên tòa phúc thẩm;***

\* Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn anh Lê Văn T2 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

\* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ

khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn anh Lê Văn T2, sửa một phần bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Lê Văn T2 nộp đơn kháng cáo và thực hiện thủ tục kháng cáo hợp lệ, trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo: Anh Lê Văn T2 kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chỉ buộc một mình chị Trần Thị Thanh T3 có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Chánh T số tiền là 80.000.000 đồng.

Xét yêu cầu kháng cáo của anh T2, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Trần Thị Thanh T3 cho rằng chị vay tiền của nguyên đơn nhằm mục đích sử dụng vào việc cải tạo vườn, mướn đất nuôi cá, nuôi bò, sử dụng trong việc chi tiêu cuộc sống gia đình, nuôi con ăn học nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Quá trình chung sống, vợ chồng chị không có vốn làm ăn nên phải vay tiền nhiều người từ năm 1999. Thời điểm năm 1999, khi chị về sống chung với anh T2, anh đã mắc nợ nhiều người, các khoản nợ đều có lãi nên phải mượn nợ để trả lãi. Năm 2005 – 2006 và khoảng năm 2012 – 2014, vợ chồng chị mướn đất của cha mẹ chồng, đầu tư nuôi cá nhưng bị lỗ. Năm 1999, vợ chồng chị mua gần 01 công đất và cất nhà nhưng không đủ tiền nên phải vay nhiều người. Tổng số nợ trong thời gian sống chung với anh T2 khoảng gần 1.000.000.000 đồng; do đó, chị phải vay 43 người với tổng số tiền trên 5.000.000.000 đồng để trả vốn và lãi các khoản nợ cũ. Anh T2 hứa bán đất để trả nợ nhưng không trả nên tháng 12/2021, chị nộp đơn ly hôn tại Tòa án để giải quyết chia tài sản và chia nợ chung. Tuy nhiên, anh T2 không đồng ý trả nợ nên chị rút đơn về để các chủ nợ khởi kiện.

Xét lời trình bày trên của chị T3 có nhiều mâu thuẫn về mục đích sử dụng tiền vay so với giai đoạn sơ thẩm; theo đó, tại giai đoạn sơ thẩm, chị T3 cho rằng chị vay tiền của nguyên đơn để có tiền chi tiêu sinh hoạt gia đình, đáp ứng các nhu cầu thiết yếu chung nhưng tại phiên tòa hôm nay, chị lại cho rằng số tiền vay ngoài mục đích trên còn được sử dụng vào mục đích trả các khoản nợ cũ. Trong khi đó, chị và anh T2 đều thống nhất thời điểm năm 2014, chị và anh T2 đã được nhận khoảng 360.000.000 đồng tiền đền bù, số tiền này đã được sử dụng để trả nợ.

Căn cứ vào các bản án sơ thẩm của các nguyên đơn khác (do phía anh T2 cung cấp) thì trong khoảng thời gian năm 2020 – 2021, ngoài nguyên đơn, chị T3

còn vay nợ của nhiều người, tổng số nợ hàng tháng từ 200.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng. Tất cả các khoản vay đều do chị T3 đứng ra giao dịch, làm biên nhận với nguyên đơn, anh T2 không ký tên vào biên nhận.

Theo Biên bản xác minh ngày 03/01/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang, đại diện chính quyền địa phương cũng như những người dân lân cận nơi vợ chồng chị T3 sinh sống đều xác định: vợ chồng chị T3 không có làm ăn hoặc kinh doanh tại địa phương; quá trình chung sống, anh chị không có tạo lập tài sản mới; anh T2 chăn nuôi bò, làm vườn, chị T3 là giáo viên tiểu học.

Thời điểm năm 2020 – 2021, dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp trên địa bàn tỉnh Tiền Giang, việc vay số tiền lớn trong thời gian ngắn chỉ để cải tạo vườn, nuôi con ăn học, chi tiêu sinh hoạt chung gia đình nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu là không hợp lý vì cả chị T3 và anh T2 đều có nguồn thu nhập riêng. Hơn nữa, chị T3 cũng không chứng minh được số tiền vốn và lãi phải trả hàng tháng của các khoản nợ cũ, dẫn đến việc chị phải vay mượn tiền của nhiều người với số tiền lên đến hàng trăm triệu đồng mỗi tháng.

Từ những phân tích trên, nhận thấy chị T3 chỉ vay tiền của nguyên đơn với danh nghĩa cá nhân; chị lại không chứng minh được số tiền này được sử dụng vào mục đích nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu chung của gia đình. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử buộc anh T2 cùng chị T3 có nghĩa vụ liên đới trả tiền cho nguyên đơn là chưa phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của anh T2, sửa bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận nên anh T2 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Những phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang là có căn cứ, phù hợp với nhận định trên nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 91, 92, 144, 147, 148, 227, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 463, 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 và Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Lê Văn T2.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 64/2022/DS-ST ngày 23 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

1/- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Chánh T.

Buộc chị Trần Thị Thanh T3 có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Chánh T số tiền là 80.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của anh Nguyễn Chánh T cho đến khi thi hành án xong, chị Trần Thị Thanh T3 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2/- Về án phí:

Chị Trần Thị Thanh T3 phải chịu 4.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại anh Nguyễn Chánh T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.000.000 đồng theo biên lai thu số 0002452 ngày 29 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Trả lại anh Lê Văn T2 300.000 đồng tạm ứng án phí mà anh đã nộp theo biên lai thu số 0002617 ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

3/- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.*

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND thị xã C;
- CCTHADS thị xã C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thanh Phong**